

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TT
TỈNH P**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 16/2020/HS-ST

Ngày: 07 – 5 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Huyền

2. Ông Đoàn Hồng Canh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh P

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh P tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nhân Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2020. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2020/TLST-HS ngày 24 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2020/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

Phạm Lam T, sinh ngày 01/12/2000 tại B, P; Nơi cư trú: Khu 8, xã X, huyện TT, tỉnh P; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm H (đã chết) và bà Nguyễn Thị V (Đã chết) Vợ, con: Chưa có; Tiền sự: Không;

Tiền án: Tại Bản án số 41/2018/HS-ST ngày 15/11/2018, bị Tòa án nhân dân huyện TT xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 24 tháng về tội "Cướp tài sản".

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/12/2019. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh P (Có mặt tại phiên tòa).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Trung N, sinh năm 1988; Địa chỉ: Khu 8, xã P1, huyện TT, tỉnh P (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 30/12/2019 Nguyễn Trung N, sinh năm 1988 ở khu 8, xã P1, huyện TT, tỉnh P đi xe ôm lên khu công nghiệp Y và vào ngồi uống nước tại một quán trà đá ven đường. Tại đây, N có làm quen với một người nam giới tên Tuấn khoảng 30 tuổi (N không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể của anh ta). Trong lúc ngồi nói chuyện, N có hỏi Tuấn là có biết chỗ nào bán ma túy ketamine và thuốc lắc không thì Tuấn nói là có biết một người tên T, Sinh năm 2000 ở xã X, huyện TT có ma túy bán, đồng thời anh ta cho N số điện thoại của T là 0365.272.228. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, tại nhà ở của mình tại khu 8, xã P1, huyện TT, N dùng chiếc điện thoại Mastel màu đen lắp sim số 0389.555.644 của Nghĩa gọi điện vào số điện thoại 0365.272.228 của T và hỏi mua của T 01 chỉ “Ke” (ma túy Ketamine) và 04 “viên kẹo” (ma túy tổng hợp) với giá 6.000.000đ thì T đồng ý. Sau khi nói chuyện với Nghĩa xong, T gọi điện thoại cho một người nam giới T khai là Nguyễn Quốc V, Sinh năm 1996, ở khu 11, xã Dân Quyền, huyện B, tỉnh P, nhờ V mua hộ cho T 01 “chỉ ke” và 04 viên “kẹo” thì V bảo T là lấy 1 “chỉ ke” và 5 viên “kẹo” cho tròn 6.750.000đ thì T đồng ý. Sau đó, V bảo T cứ đi xuống đầu cầu Trung Hà thuộc xã Dân Quyền, huyện B, tỉnh P sẽ có người mang ma túy ra bán. Sau khi nói chuyện với V xong, T gọi điện thoại lại cho Nghĩa bảo lấy thì lấy 1 “chỉ ke” và 5 viên “kẹo” với giá là 7.000.000đ và nếu lấy thì phải đưa tiền trước cho Trường. Nghĩa đồng ý và hẹn T đến cổng quán Karaoke Thuật Thanh thuộc khu 2, xã Y, huyện TT, tỉnh P để lấy tiền. Khoảng 20 phút sau, T đi xe ôm đến cổng quán Karaoke Thuật Thanh gặp Nghĩa và nhận của Nghĩa số tiền 7.000.000đ. Sau khi cầm tiền Nghĩa đưa, T bảo Nghĩa đợi để T đi lấy ma túy, còn T tiếp tục bắt xe ôm đi về cầu Trung Hà để mua ma túy về bán lại cho nghĩa. Trên đường đi, T có rẽ vào một quán tạp hóa bên đường mua 01 bao thuốc lá Thăng Long với giá 10.000đ. Khi đến đầu cầu Trung Hà thuộc xã Dân Quyền, huyện B, tỉnh P T gặp một người nam giới đang đứng một mình ở đó, nghĩ người này là bạn của V nên T đi lại và tự giới thiệu T là em của Vương. Thấy vậy, người nam giới này đưa cho T 02 túi nilon đều có màu trắng, có khuy bấm viên màu đỏ bên trong túi 02 nilon đều có chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng và 05 mảnh viên nén màu xanh. T biết đó là ma túy Ketamine và “thuốc lắc” (ma túy tổng hợp) nên cầm cất vào túi áo khoác T đang mặc rồi đưa lại cho người nam giới số tiền 6.750.000đ. Sau khi mua được ma túy, T cầm đem về khu 2, xã Y, huyện TT để giao cho Nghĩa. Khi T vừa gặp Nghĩa và chưa kịp giao ma túy cho Nghĩa thì hành vi của T bị Cơ quan Công an phát hiện, bắt quả tang.

Thu giữ tại túi áo khoác bên phải T đang mặc 02 túi nilon đều màu trắng, đều có khuy bấm viên màu đỏ, bên trong 02 túi đều có chứa chất rắn, dạng tinh thể màu trắng và 05 mảnh viên nén đều màu xanh. T khai nhận chất rắn dạng tinh thể màu trắng là ma túy Ketamine và 05 mảnh viên nén màu xanh là ma túy thuốc lắc, T đang định bán cho N; Tạm giữ tại túi bên phải phía trong áo khoác T đang mặc số tiền 240.000đ; Tạm giữ tại túi quần bên phải phía trước T đang mặc 01 điện thoại di động Nokia 1280 màu đen lắp sim số 0365.272.228. Kiểm tra người Nguyễn Trung

N, Cơ quan Công an không phát hiện, thu giữ đồ vật, tài sản gì. Cơ quan Công an đã tiến hành niêm phong 02 túi nilon chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng và 05 mảnh viên nén đều màu xanh thu giữ của Trường, sau đó đưa T và N về trụ sở Công an huyện để làm rõ nội dung vụ việc.

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Lam T khai nhận, nguồn gốc số ma túy Cơ quan Công an thu giữ của T là ma túy “Ke” (Ketamine) và ma túy “thuốc lắc” (MDMA) do T nhờ Nguyễn Quốc V, sinh năm 1996, ở khu 11, xã Dân Quyền, huyện B, tỉnh P hỏi mua hộ của một người nam giới T không biết tên tuổi địa chỉ tại khu vực đầu cầu Trung Hà thuộc xã Dân Quyền, huyện B, tỉnh P với giá 6.750.000đ (Sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) về bán lại cho Nguyễn Trung N với giá 7.000.000đ (Bảy triệu đồng). Tuy nhiên, khi bị cáo vừa mới gặp Nghĩa, chưa kịp đưa ma túy cho N thì bị Cơ quan Công an phát hiện, bắt quả tang.

Tiến hành kiểm tra chiếc điện thoại di động Nokia 1280 màu đen lắp sim số 0365.272.228 thu giữ của Phạm Lam T, Cơ quan điều tra phát hiện tại mục cuộc gọi vừa nhận có 01 cuộc gọi đến từ số điện thoại 0389.555.644 vào hồi 21 giờ 10 phút ngày 30/12/2019, thời lượng cuộc gọi là 17 giây; Tại mục cuộc gọi đi có 01 cuộc gọi đến số điện thoại 0966.496.893 vào hồi 21 giờ 12 phút ngày 30/12/2019, thời lượng cuộc gọi là 47 giây và 01 cuộc gọi đi đến số điện thoại 0389.555.644 vào hồi 21 giờ 15 phút ngày 30/12/2019, thời lượng cuộc gọi là 38 giây. T khai nhận, số điện thoại 0389.555.644 là của Nguyễn Trung N, cuộc gọi đến lúc 21 giờ 10 phút ngày 30/12/2019 là do Nghĩa gọi đến để hỏi mua ma túy của Trường, cuộc gọi đi lúc 21 giờ 15 phút ngày 30/12/2019 là do T gọi cho Nghĩa để trao đổi về số tiền và địa điểm giao ma túy. Còn số điện thoại 0966.496.893 là của Nguyễn Quốc V. Cuộc gọi đi lúc 21 giờ 12 phút ngày 30/12/2019 là T gọi đến số điện thoại của V để nhờ hỏi mua ma túy hộ Trường.

Căn cứ lời khai của bị cáo Trường, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện TT đã triệu tập Nguyễn Quốc V đến trụ sở Công an huyện TT để làm việc. Quá trình làm việc, V tự nguyện giao nộp 01 chiếc điện thoại di động Nokia 1280 màu xanh, lắp sim số 0966.496.893. Tiến hành kiểm tra chiếc điện thoại V giao nộp, Cơ quan điều tra phát hiện 01 cuộc gọi đến từ số điện thoại 0365.272.228 vào hồi 21 giờ 12 phút ngày 30/12/2019 với thời lượng cuộc gọi là 47 giây. V khai nhận, tối ngày 30/12/2019, Phạm Lam T có dùng số điện thoại 0365.272.228 để gọi đến số điện thoại 0966.496.893 lắp trong chiếc điện thoại Nokia 1280 của V để chuyện trò, hỏi thăm sức khỏe, không trao đổi nội dung gì liên quan đến việc mua, bán chất ma túy (Chiếc điện thoại cùng sim điện thoại do V giao nộp đã được Cơ quan điều tra trả lại cho V ngay sau khi kiểm tra xong).

Tiến hành kiểm tra chiếc điện thoại di động Mastel màu đen lắp thẻ sim số 0389.555.644 thu giữ của Nguyễn Trung N (do Nghĩa giao nộp), Cơ quan điều tra phát hiện tại mục cuộc gọi đi có 01 cuộc gọi đến số điện thoại 0365.272.228 vào hồi 21 giờ 10 phút ngày 30/12/2019, thời lượng cuộc gọi là 17 giây; Tại mục cuộc gọi đến phát hiện 01 cuộc gọi đến từ số điện thoại 0365.272.228 vào hồi 21 giờ 15 phút

ngày 30/12/2019, thời lượng cuộc gọi là 38 giây. N khai nhận, số điện thoại 0365.272.228 là của T - người bán ma túy cho N. Các cuộc điện thoại trên là để Nghĩa và T trao đổi việc mua bán ma túy với nhau.

Tại bản Kết luận giám định số 91/KLGD ngày 02/01/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh P kết luận:

“- *Chất rắn dạng tinh thể màu trắng chứa trong 02 túi nilon màu trắng, có khay bấm, có viên màu đỏ gửi đến giám định là ma túy, có tổng khối lượng là: 0,640 gam, loại Ketamine.*

- *05 mảnh viên nén màu xanh gửi đến giám định là ma túy, có tổng khối lượng là: 0,601 gam, loại MDMA.*”

Hoàn trả lại 0,353 gam chất rắn dạng tinh thể màu trắng và 0,384 gam mảnh viên nén màu xanh cùng toàn bộ bao gói gửi đến giám định được niêm phong trong 01 bì giấy được đóng 5 dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh P.

Bản cáo trạng số 19/CT-VKSTT ngày 24/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh P truy tố bị cáo Phạm Lam T về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” quy định tại Khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện TT vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 251, khoản 5 Điều 65, Điều 55, Điều 56, điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Phạm Lam T phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Xử phạt bị cáo T từ 30 tháng đến 36 tháng tù, đồng thời tổng hợp 12 (mười hai) tháng tù của bản án số 41/2018/HS-ST ngày 15/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện TT. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 30/12/2019. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo T.

Ngoài ra Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định của pháp luật để xử lý vật chứng và án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Kiểm sát viên, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt họ. Xét thấy người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có lời khai thể hiện trong hồ sơ và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự để tiếp tục xét xử vụ án là phù hợp.

2. Về nội dung:

[1] Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu, thừa nhận nội dung cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan sai. Lời khai nhận của bị cáo tại cơ quan điều tra và lời khai tại phiên tòa đều thống nhất với nhau, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với vật chứng đã thu giữ và bản kết luận giám định cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 30/12/2019, tại khu 2, xã Y, huyện TT, tỉnh P, bị cáo Phạm Lam T, Sinh năm 2000; Địa chỉ: Khu 8, xã X, huyện TT, tỉnh P đã có hành vi bán trái phép cho Nguyễn Trung N, sinh năm 1988, ở khu 8, xã P1, huyện TT, tỉnh P 0,64 gam ma túy Ketamine và 0,601 gam ma túy MDMA với giá là 7.000.000đ (Bảy triệu đồng), khi bị cáo đang chuẩn bị giao ma túy cho Nghĩa thì bị Công an huyện TT phát hiện, bắt quả tang. Tổng khối lượng ma túy bị cáo bán cho Nghĩa là: 1,241 gam (Trong đó: 0,640 gam, loại Ketamine và 0,601 gam, loại MDMA) được thể hiện tại bản Kết luận giám định số 91/KLGĐ ngày 02/01/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh P. Hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại Khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự. Khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự có khung hình phạt từ 02 năm đến 07 năm tù.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội lớn, đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy. Ma túy là nguồn gốc rễ phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Việc mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo đã làm ảnh hưởng đến sức khỏe con người, ảnh hưởng đến việc duy trì trật tự trị an trên địa bàn, gây nên sự bất bình lo lắng trong quần chúng nhân dân. Tính chất vụ án là nghiêm trọng. Do vậy cần phải xử phạt nghiêm đối với bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Trước khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Bị cáo có 01 tiền án. Tại Bản án số 41/2018/HS-ST ngày 15/11/2018, bị Tòa án nhân dân huyện TT xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 24 tháng về tội "Cướp tài sản". Thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội “Cướp tài sản” là ngày 02/5/2018, khi đó bị cáo chưa đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, do tội phạm bị cáo thực hiện thuộc T hợp tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý và đang trong thời gian thử thách bị cáo lại tiếp tục phạm tội nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc T hợp “tái phạm” do đó bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "tái phạm" quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là "*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*" quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nên cần thiết áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, mới đủ điều kiện để cải tạo giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt.

Do bị cáo phạm tội mới trong thời gian thử thách của án treo, nên Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 12 (Mười hai) tháng tù của bản án số 41/2018/HS-ST ngày 15/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện TT về tội "Cướp tài sản". Tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của pháp luật.

[2] Về nguồn gốc số ma túy bị cáo có được để bán, bị cáo khai nhờ Nguyễn Quốc V – Sinh năm 1996, ở khu 11, xã Dân Quyền, huyện B, tỉnh P mua hộ của một người nam giới, bị cáo không biết tên tuổi địa chỉ cụ thể của anh ta, ngoài lời khai của

bị cáo thì không có chứng cứ khác, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TT không có căn cứ để xác minh, làm rõ nên không đặt ra giải quyết là phù hợp;

[3] Đối với Nguyễn Quốc V, theo lời khai của bị cáo thì V là người đã liên lạc hỏi mua ma túy hộ bị cáo. Tuy nhiên, V không thừa nhận có liên quan đến việc mua bán ma túy của bị cáo mà cho rằng việc bị cáo gọi điện cho V vào tối ngày 30/12/2019 là để nói chuyện và hỏi thăm sức khỏe. Ngoài lời khai của bị cáo thì không có chứng cứ khác, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TT không có căn cứ để xử lý V trong vụ án này là phù hợp;

[4] Đối với Nguyễn Trung N, quá trình điều tra thể hiện Nghĩa là người nghiện ma túy từ năm 2017. Ngày 30/12/2019, Nghĩa có hành vi mua ma túy của bị cáo Trường, nhưng khi đang giao dịch mua bán ma túy thì bị Công an huyện TT bắt quả tang. Do Nghĩa mới đưa tiền cho bị cáo nhưng chưa nhận ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TT không đề cập xử lý đối với Nguyễn Trung N là phù hợp;

[5] Đối với người nam giới đã cho N số điện thoại của bị cáo, theo lời khai của N thì người nam giới này tên là Tuấn, N gặp ở khu công nghiệp xã Y. Do N không biết họ tên đầy đủ, tuổi và nhà ở của Tuấn ở đâu và ngoài lời khai của N thì không có chứng cứ nào khác chứng minh nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh, làm rõ để xử lý là phù hợp.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 251 của Bộ luật hình sự, bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Hội đồng xét xử xét thấy trước khi phạm tội, bị cáo làm nghề tự do nên không có thu nhập ổn định và không có tài sản riêng có giá trị nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 bì niêm phong số 91/KLGĐ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh P, bên trong có chứa mẫu vật hoàn trả sau giám định gồm: 0,353 gam chất rắn dạng tinh thể màu trắng và 0,384 gam mảnh viên nén màu xanh cùng toàn bộ bao gói được niêm phong trong 01 bì giấy được đóng 5 dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh P, là vật chứng của vụ án thu giữ của bị cáo T, không có giá trị sử dụng, cần tịch thu, tiêu hủy là phù hợp;

- Đối với 01 điện thoại di động Mastel màu đen lắp sim số 0389.555.644 (Thu giữ của Nguyễn Trung N), do Nghĩa dùng để liên lạc mua ma túy của bị cáo Trường, tuy nhiên hành vi của Nghĩa chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên cần trả lại cho Nghĩa là phù hợp;

- Đối với 01 điện thoại di động Nokia 1280 màu đen lắp sim số 0365.272.228 của bị cáo T sử dụng để liên lạc mua bán trái phép chất ma túy, cần tịch thu sung ngân sách nhà nước, đồng thời tịch thu tiêu hủy sim số 0365.272.228 lắp trong điện thoại trên.

- Đối với số tiền 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) do bị cáo mua, bán trái phép chất ma túy mà có, bị cáo đã sử dụng 10.000đ để mua thuốc lá. Do đó cần tịch thu

240.000đ (Hai trăm bốn mươi nghìn đồng) và truy thu số tiền 10.000đ (Mười nghìn đồng) của bị cáo để sung ngân sách nhà nước.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

[9] Các quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp. Đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện TT tại phiên toà là có căn cứ và đúng pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 251, khoản 5 Điều 65, Điều 55, Điều 56, điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Phạm Lam T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”

Xử phạt bị cáo Phạm Lam T 03(Ba) năm tù. Tổng hợp 12 (mười hai) tháng tù của bản án số 41/2018/HS-ST ngày 15/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện TT. Tổng là 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/12/2019

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo Phạm Lam Trường.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu huỷ: 01 bì niêm phong số 91/KLGĐ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh P, bên trong có chứa mẫu vật hoàn trả sau giám định, được đóng 5 dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh P, là vật chứng thu giữ của bị cáo Phạm Lam Trường.

- Tịch thu, sung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động Nokia 1280 màu đen, đồng thời tịch thu tiêu huỷ sim số 0365.272.228, mã thẻ sim 8984048851000934398 lắp trong điện thoại di động Nokia 1280 màu đen của bị cáo Phạm Lam T;

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 240.000đ (Hai trăm bốn mươi nghìn đồng) của bị cáo Phạm Lam T;

- Trả lại cho Nguyễn Trung N: 01 điện thoại di động Mastel màu đen lắp sim số 0389.555.644. Mã thẻ sim 8984048000064538504.

Các vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, tỉnh P đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/5/2020.

Truy thu số tiền 10.000đ (Mười nghìn đồng) của bị cáo để sung ngân sách Nhà nước.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Phạm Lam T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo được quyền kháng cáo Bản án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo phần quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án

hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh P xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND.H.TT,
- VKSND tỉnh P;
- CA huyện TT;
- CQ THAHS;
- UBND xã X;
- Chi cục THADS huyện;
- Sở Tư pháp P;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hồng